

**TOÀ ÁN N DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 329 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 9 - 2021.

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN CP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm N dân:

1. Bà Trương Thị Tú Anh;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- TH ký phiên tòa: Ông Nguyễn Nguyên Huân- Cán bộ Tòa án N dân huyện CP; Ông Võ Văn Hòa - TH ký Tòa án N dân huyện CP.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án N dân huyện CP, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 654/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 221/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Thanh V, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ 9, ấp Mỹ Phó, xã Mỹ Đức, huyện CP, tỉnh An Giang. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trung N, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ 9, ấp Mỹ Phó, xã Mỹ Đức, huyện CP, tỉnh An Giang.(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/12/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Thị Thanh V trình bày:

- Về hôn N: Bà và ông N qua tìm hiểu, quen biết nhau và chung sống với nhau vào năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nguyên N do ông N THòng xuyên đi nhậu không lo làm ăn, từ 9/2020 đến nay khi ông N đi nhậu về đập phá đồ đạc trong nhà còn đánh bà V. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà V yêu cầu được ly hôn với ông N.

- Về con chung: Bà và ông N có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Trung D, sinh năm 1999, Nguyễn Thị Minh TH, sinh ngày 20/11/2007. Cháu D đã trưởng thành có công việc ổn định. Hiện nay, cháu TH đang sống chung với ông N. Sau

khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con cháu TH và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Trung N trình bày: Ông đang sống hạnh phúc thì bà V bỏ đi theo người khác có lấy tiền vàng nên ông không muốn ly hôn với bà V. Ông N muốn nuôi con chung Nguyễn Thị Minh TH, sinh ngày 20/11/2007 và không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà V trình bày: Vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, tiếp tục được nuôi con chung Nguyễn Thị Minh TH, sinh ngày 20/11/2007, và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Bị đơn ông N trình bày: Ông còn THơng vợ, THơng con nên không muốn ly hôn. Về con chung thì theo nguyện vọng của con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện CP, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân huyện CP theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn N: Bà V và ông N chung sống với nhau từ năm 1997, thời gian chung sống có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn là không đúng quy định của Luật hôn N và gia đình, không được công nhận là vợ chồng, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng. Theo bà V do ông N THơng xuyên đi nhậu không lo làm ăn, từ 9/2020 đến nay khi ông N đi nhậu về đập phá đồ đạc trong nhà còn đánh bà V. Bà V yêu cầu giải quyết ly hôn với ông N.

Theo trình bày của ông N thì ông không muốn ly hôn với bà V, muốn nuôi con chung Nguyễn Thị Minh TH, sinh ngày 20/11/2007 và không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà V và ông N không đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Cường và bà Thơ theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016; Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn N và gia đình năm 2014.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà V và ông N có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Trung D, sinh năm 1999, Nguyễn Thị Minh TH, sinh ngày 20/11/2007. Cháu D đã trưởng thành có công việc ổn định. Hiện nay, cháu TH đang sống chung với tôi. Sau khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi con cháu TH và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung

- Con chung Nguyễn Trung D, sinh năm 1999 đã thành niên và có khả năng lao động được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Con chung Nguyễn Thị Minh TH đang sống với ông N, nguyện vọng của cháu TH muốn được sống với mẹ. Do đó, để tạo điều kiện cho cháu Nguyễn Thị Minh TH ổn định về tâm lý và sự phát triển về mọi mặt nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung Nguyễn Thị Minh TH cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn N và gia đình năm 2014. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà V không yêu cầu cấp dưỡng.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn N và gia đình sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 5 Điều 3; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn N và gia đình 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ hôn N: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Huỳnh Thị Thanh V với ông Nguyễn Trung N.

2. Về quan hệ con chung:

- Giao con chung chưa thành niên Nguyễn Thị Minh TH, sinh ngày 20/11/2007 cho bà V trực tiếp nuôi, hiện con chung V đang sống cùng ông N. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên.

(Việc trực tiếp nuôi con chưa đủ 18 tuổi và việc cấp dưỡng nuôi con không cố định, có thể thay đổi theo quy định của pháp luật.)

Bà V cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp

nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà V và ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Thanh V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) phí hôn N và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2019/0008518 ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP nên không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Do bà V và ông N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện CP;
- CCTHADS huyện CP;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Vũ